

Bản án số: 03/2020/DS-ST

Ngày: 10-9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Duy Huy;

2. Ông Đinh Um.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2020, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST- DS ngày 19 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Quang H, sinh năm 1968; bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1970; cùng địa chỉ: Khu dân cư số 11, thôn M, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Ngọc A, sinh năm 1975; địa chỉ trụ sở làm việc: Số 301 đường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi- là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 02 năm 2020).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông A, bà D có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 13/02/2020, đơn khởi kiện bổ sung ghi ngày 24/3/2020 của ông Trịnh Quang H, bà Huỳnh Thị N và quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh Ngọc A là người đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Ông Trịnh Quang H, bà Huỳnh Thị N và bà Nguyễn Thị D có mối quan hệ chị em bà con họ hàng nên vào ngày 16/7/2009 âm lịch (tức ngày 04/9/2009 dương lịch) vợ chồng ông H, bà N có cho bà Nguyễn Thị D vay số tiền 140.000.000đ để sử dụng vào việc mua gỗ thanh lý. Khi vay tiền, giữa vợ chồng ông H với bà D không thỏa thuận về lãi suất và bà D có hẹn trong thời hạn 01 năm sẽ hoàn trả đủ số tiền trên cho vợ chồng ông H, nhưng khi đến hạn trả nợ bà D vẫn không hoàn trả số tiền đã vay, mặc dù vợ chồng ông H đã nhiều lần tìm gặp bà D yêu cầu phải trả số tiền 140.000.000đ nhưng bà D cứ hứa hẹn và nhiều lần né tránh. Việc bà D vay tiền của vợ chồng ông H là việc của cá nhân bà D, không liên quan đến cá nhân nào khác nên nay ông H, bà N yêu cầu bà Nguyễn Thị D phải trả cho vợ chồng ông H số tiền đã vay vào ngày 16/7/2009 âm lịch (tức ngày 04/9/2009 dương lịch) là 140.000.000đ. Vợ chồng ông H không yêu cầu bà D phải trả lãi suất đối với số tiền trên.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:*

Về thời gian và số tiền bà D vay của vợ chồng ông Trịnh Quang H, bà Huỳnh Thị N đúng như người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã trình bày, khi vay hai bên không thỏa thuận việc trả lãi suất và bà D có hẹn trong thời hạn 01 năm sẽ hoàn trả đủ số tiền trên, bà D vay tiền để sử dụng vào việc mua gỗ cho cá nhân bà D. Sau khi vay bà D có trả tiền cho vợ chồng ông H, bà N nhiều lần, mỗi lần trả lúc 5.000.000đ, lúc 10.000.000đ nhưng bà D không nhớ rõ cụ thể ngày, tháng, năm trả tiền và hai bên cũng không viết giấy tờ gì, tổng số tiền bà D đã trả cho vợ chồng ông H, bà N là 60.000.000đ. Ngoài ra, bà D có giao cho ông H, bà N 01 bộ bàn ghế sa lon cây muông trị giá 35.000.000đ để trừ vào khoản tiền bà D đã vay 140.000.000đ, tổng cộng số tiền bà D đã trả cho ông H, bà N là 95.000.000đ, hiện bà D chỉ còn nợ 45.000.000đ nên bà D chỉ đồng ý trả cho ông H, bà N số tiền 45.000.000đ, không đồng ý trả số tiền 140.000.000đ.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 26, 35, và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư

cách người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 471, 474, 478 của Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho ông Trịnh Quang H, bà Huỳnh Thị N số tiền 140.000.000đ. Ông Trịnh Quang H, bà Huỳnh Thị N không yêu cầu bà Nguyễn Thị D trả lãi suất nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Nguyễn Thị D trú tại tổ dân phố Đ, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Quang H, bà Huỳnh Thị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.3] Thời hiệu: Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc đã vay là 140.000.000 đồng không yêu cầu tính tiền lãi. Căn cứ theo quy định tại Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận vào ngày 16/7/2009 âm lịch (tức ngày 04/9/2009 dương lịch), bà Nguyễn Thị D có vay không lãi của ông Trịnh Quang H, bà Huỳnh Thị N số tiền 140.000.000đ, thời hạn trả nợ là 01 năm, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và

không có lỗi theo quy định tại Điều 478 Bộ luật dân sự 2005; bà D cho rằng sau khi vay bà D đã trả tiền cho ông H, bà N nhiều lần với tổng số tiền là 60.000.000đ và có giao cho vợ chồng H 01 bộ bàn ghế sa lon cây muông trị giá 35.000.000đ để trừ vào khoản tiền bà D đã vay 140.000.000đ, tổng cộng bà D đã trả cho vợ chồng ông H 95.000.000đ nhưng nguyên đơn không chấp nhận. Vào ngày 06/7/2020 Tòa án đã thông báo số 370/TB-TA yêu cầu bị đơn bà D cung cấp chứng cứ là đã trả và cần trừ cho nguyên đơn số tiền 95.000.000 đồng nhưng bà D không chứng minh được. Mặc khác tại phiên tòa nguyên đơn trình bày là bộ sa lon **mua vào năm 2007, trước thời điểm giao dịch vay tiền vào ngày 04/9/2009 bộ sa lon này không liên quan đến việc vay số tiền 140.000.000 đồng.** Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra đủ chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”, do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận, cần buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho ông Trịnh Quang H, bà Huỳnh Thị N số tiền 140.000.000đ.

[2.2] Ông Trịnh Quang H, bà Huỳnh Thị N không yêu cầu bà Nguyễn Thị D trả lãi suất nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bà Nguyễn Thị D phải chịu 140.000.000đ x 5%= 7.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35, 39, 147, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474 và Điều 478 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Quang H, bà Huỳnh Thị N.

1. Buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho vợ chồng ông Trịnh Quang H, bà Huỳnh Thị N số tiền 140.000.000đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu số tiền 7.000.000đồng (Bảy triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Trịnh Quang H, bà Huỳnh Thị N số tiền tạm ứng án phí 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 011492 ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 10/9/2020).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- Đương sự;
- Người đại diện hợp pháp của đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huy

